

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học

- 1.1 Tên môn học: **Kinh tế vĩ mô 2** - Mã môn học: **ECON2302**
1.2 Khoa phụ trách: Khoa Kinh Tế và Luật
1.3 Số tín chỉ: 3 tín chỉ lý thuyết

2. Mô tả môn học

Môn học Kinh tế vĩ mô II nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể và trong dài hạn bao gồm việc mô tả các biến số kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở như: tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, thất nghiệp, tổng đầu tư, chi tiêu của chính phủ, và thuế, cung tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư ngoại thương và cán cân thanh toán. Các mô hình kinh tế vĩ mô, các công cụ phân tích được cung cấp trong môn học này sẽ giúp người học hiểu biết sự vận hành của nền kinh tế và các tác động của chính sách trong tương tác với phạm vi toàn cầu và khu vực chứ không chỉ giới hạn trong phạm vi hẹp của một nền kinh tế riêng lẻ.

3. Mục tiêu môn học

3.1. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu tổng quát của phần học này nhằm cung cấp kiến thức giải thích các sự kiện kinh tế vĩ mô trong sự tương tác với phạm vi toàn cầu và khu vực. Môn học cũng nhắm tới cải thiện hiểu biết của người học đối với quá trình xây dựng, thực thi và đánh giá chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

Các nội dung về phân tích kinh tế và áp dụng vào các vấn đề thực tiễn cũng như nghiên cứu chính sách kinh tế vĩ mô sẽ được chú trọng nhiều hơn là việc nhớ suông các khái niệm và định nghĩa.

- Kỹ năng:

Người học hiểu biết được các công cụ của chính sách kinh tế và hiểu cách sử dụng các chính sách này để được các tác động mong muốn về kinh tế vĩ mô cũng như dự báo các kết quả khi một chính sách được áp dụng.

- Thái độ:

Để đạt được mục tiêu đặt ra như ở trên, người học cần nắm bắt các công cụ, mô hình kinh tế vĩ mô và áp dụng chúng một cách cẩn thận có đánh giá hết sức khoa học.

4. Nội dung môn học

| Tên chương | Mục | Nội dung khái quát | Số tiết | | | | Ghi chú |
|--|--|---|---------|-----|----|----|---|
| | | | TC | LT | BT | TH | |
| Ôn tập: Các vấn đề và công cụ của kinh tế vĩ mô | .Thực chứng – Chuẩn tắc. . Bốn khu vực của nền kinh tế. . Mục tiêu của chính sách kinh tế vĩ mô . Vấn đề của kinh tế vĩ mô . Công cụ chính sách . . Các khái niệm cơ bản. | Ôn lại các khái niệm căn bản và vấn đề căn bản của kinh tế vĩ mô | 4,5 | 4,5 | 0 | 0 | [1] Mankiw, N Gregory, <i>Kinh tế học vĩ mô</i> , Ấn bản lần 2 (đã dịch sang tiếng Việt), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. |
| Ôn tập: Mô hình IS – LM. | . Thị trường hàng hóa và đường IS . Thị trường tiền tệ và đường LM. . Cân bằng bên trong. . Tác động chính sách | Nhắc lại sự hình thành của đường IS – LM và phân tích mở rộng trong nền kinh tế mở. | 4,5 | 4,5 | 0 | 0 | [2] Dương Tấn Diệp (2007) <i>Kinh tế học vĩ mô</i> , Ấn bản lần 9, NXB Thống kê |
| Ôn tập: Mô hình AS – AD. | . Từ mô hình IS – LM đến mô hình AD . Thị trường lao động và đường AS . Cân bằng vĩ mô của nền kinh tế. . Tác động chính sách. | Nhắc lại mô hình AS – AD và các ứng dụng. | 4,5 | 4,5 | 0 | 0 | |
| Thị trường ngoại tệ và cán cân thanh toán | . Khái niệm về thị trường ngoại tệ . Tỷ giá. . Cân bằng trên thị trường ngoại hối. . Các cơ chế tỷ giá hối đoái . . Tỷ giá hối đoái thực, sức cạnh tranh và dòng vốn quốc tế. . Tác động của chính sách tỷ giá. | Nhắc lại các vấn đề liên quan tới thị trường ngoại hối và khu vực bên ngoài của nền kinh tế | 4,5 | 4,5 | 0 | 0 | |

| Tên chương | Mục | Nội dung khái quát | Số tiết | | | | Ghi chú |
|-----------------------|--|--|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|
| | | | TC | LT | BT | TH | |
| | . Cán cân thanh toán. | | | | | | |
| Nền kinh tế mở | . Lãi suất và tỷ giá . Dòng vốn quốc tế và hệ thống tỷ giá. . Đường BP. . Mô hình IS – LM – BP và các tác động . Tác động điều chỉnh tỷ giá với BOP | Giới thiệu các yếu tố của nền kinh tế mở và tác động chính sách. | 9 | 9 | 0 | 0 | |
| Kỳ vọng | . Khái niệm kỳ vọng. . Tác động của kỳ vọng đối với các chính sách kinh tế vĩ mô. | Giới thiệu khái niệm về kỳ vọng và ảnh hưởng của yếu tố này tới chính sách. | 4,5 | 4,5 | 0 | 0 | |
| Thất nghiệp, lạm phát | . Các khái niệm về thất nghiệp và phân loại. . Lạm phát: khái niệm, phân loại, nguồn gốc. . Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp. . Đường Phillip trong dài hạn và ngắn hạn | Trình bày các quan điểm và lạm phát và thất nghiệp cũng như mối quan hệ giữa hai yếu tố này. | 4,5 | 4,5 | 0 | 0 | |
| Tăng trưởng kinh tế | . Mô hình Solow . Mô hình tăng trưởng nội sinh . Hạch toán tăng trưởng . Chính sách tăng trưởng. | Giới thiệu mô hình tăng trưởng kinh tế và chính sách tăng trưởng. | 9 | 9 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | | 45 | 45 | 00 | 00 | |

Ghi chú: TC: Tổng số tiết; LT: lý thuyết; BT: bài tập, thảo luận; TH: Thực hành.

5. Học liệu

5.1 Tài liệu bắt buộc

[3] Mankiw, N Gregory, *Kinh tế học vĩ mô*, Ấn bản lần 2 (đã dịch sang tiếng Việt), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[4] Dương Tấn Diệp (2007) *Kinh tế học vĩ mô*, Ấn bản lần 9, NXB Thống kê

5.2 Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thái Thảo Vy (2009), Kinh tế học vĩ mô (Phần cơ bản), Ấn bản lần thứ 2, NXB Tài Chính.

6. Đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp.HCM.

| STT | Điểm thành phần | Tỉ lệ % |
|-----|--|-------------|
| 1 | Kiểm tra giữa kỳ | 30% |
| 2 | Thi kiểm tra cuối kỳ | 70% |
| | Điểm tổng kết môn học (Điểm kiểm tra giữa kỳ * 30% + Điểm thi cuối kỳ * 70%) | 100% |

Ghi chú:

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: Là tổng điểm của điểm kiểm tra giữa kỳ và những điểm thành phần đánh giá khác.
- Điểm thi kiểm tra cuối kỳ: Là điểm của 01 lần thi kiểm tra tập trung do Nhà trường tổ chức.

7. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp.HCM.

7.1. Kế hoạch giảng dạy lớp ngày (4,5 tiết/buổi)

| STT | Buổi học | Nội dung | Ghi chú |
|-----|----------|---|---------|
| 1 | Buổi 1 | Ôn tập: Các vấn đề và công cụ của kinh tế vĩ mô | |
| 2 | Buổi 2 | Ôn tập: Mô hình IS – LM. | |
| 3 | Buổi 3 | Ôn tập: Mô hình AS – AD. | |
| 4 | Buổi 4 | Thị trường ngoại tệ và cán cân thanh toán | |
| 5 | Buổi 5 | Nền kinh tế mở | |
| 6 | Buổi 6 | | |
| 7 | Buổi 7 | Kỳ vọng | |
| 8 | Buổi 8 | Thất nghiệp, lạm phát | |
| 9 | Buổi 9 | Tăng trưởng kinh tế | |
| 10 | Buổi 10 | | |

7.2. Kế hoạch giảng dạy lớp tối (3,5 tiết/buổi)

| STT | Buổi học | Nội dung | Ghi chú |
|-----|----------|---|----------------------|
| 1 | Buổi 1 | Ôn tập: Các vấn đề và công cụ của kinh tế vĩ mô | 3,5 tiết |
| 2 | Buổi 2 | Ôn tập: Các vấn đề và công cụ của kinh tế vĩ mô Ôn tập: Mô hình IS – LM. | 1,0 tiết 2,5 tiết |
| 3 | Buổi 3 | Ôn tập: Mô hình IS – LM. Ôn tập: Mô hình AS – AD. | 2,0 tiết 1,5 tiết |
| 4 | Buổi 4 | Ôn tập: Mô hình AS – AD. Thị trường ngoại tệ và cán cân thanh toán | 2,5 tiết 1,0 tiết |
| 5 | Buổi 5 | Thị trường ngoại tệ và cán cân thanh toán | 3,5 tiết |
| 6 | Buổi 6 | Nền kinh tế mở | 3,5 tiết |
| 7 | Buổi 7 | Nền kinh tế mở | 3,5 tiết |
| 8 | Buổi 8 | Nền kinh tế mở Kỳ vọng | 2,0 tiết 1,5 tiết |
| 9 | Buổi 9 | Kỳ vọng Thất nghiệp, lạm phát | 2,5 tiết 1,0 tiết |
| 10 | Buổi 10 | Thất nghiệp, lạm phát | 3,5 tiết |
| 11 | Buổi 11 | Tăng trưởng kinh tế | 3,5 tiết |
| 12 | Buổi 12 | Tăng trưởng kinh tế | 3,5 tiết |
| 13 | Buổi 13 | Tăng trưởng kinh tế | 3,5 tiết |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

Đặng Văn Thanh